TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 19/06/2024
Về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 1 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y – sinh năm 1987.

Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện cư trú tại địa chỉ: Xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T – sinh năm 1996.

Nơi ĐKHKTT và trú tại địa chỉ: Xóm B, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Y trình bày: Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Trọng T sau khoảng 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về xóm B, xã Y để làm ăn sinh sống. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng tám năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, mặt khác anh T không tu trí làm ăn, ham mê chơi bời sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bản thân chị Y đã nín nhịn nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không có biện pháp nào hàn gắn. Anh chị đã

sống ly thân nhiều năm nay và không quan tâm đến cuốc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung cháu Nguyễn Trần Phương V sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 và cháu Nguyễn Trần Trung Q, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2019. Hiện các cháu đang ở cùng với chị Y. Nay ly hôn chị nhận nuôi cả hai cháu V và Q. Chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Trọng T hiện đang cư trú tại xóm B, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Trọng T và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T nhưng anh T không tham gia tống tụng trong vụ án. Bản thân anh T cũng đã biết việc chị Y có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh T không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như đối với việc giải quyết vụ án.

Con chung của anh chị cháu Nguyễn Trần Phương V sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nghe nguyện vọng của con. Tại bản tự khai ngày 15 tháng 4 năm 2024 cháu V nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Y ly hôn anh Nguyễn Trọng T.
- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Trần Phương V sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 và cháu Nguyễn Trần Trung Q, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2019. Anh Nguyễn Trọng T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung theo quy định của pháp luật. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Trần Thị Y nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Anh Nguyễn Trọng T nộp án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Y có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Trọng T có nơi cư trú tại: Xóm B, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Trọng T, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Trọng T có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm B, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Theo như chị Y trình bày quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng tám năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, chị Y cho rằng bản thân anh T là người ham chơi, không tu trí làm ăn, rượu chè, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con nên anh chị thường xuyên cãi chửi nhau. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị Y và anh T đã sống ly thân nhau nhiều năm nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh T biết chị Y khởi kiện xin ly hôn với anh nhưng anh T không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh T có thái độ bỏ mặc và không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y thể hiện: Anh T và chị Y là công dân xã Y, có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xóm B, xã Y. Sau thời gian tìm hiểu anh T và chị Y đã đăng ký kết hôn với nhau tháng 2 năm 2010. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng nhau tại xóm B, xã Y. Qua nắm bắt tại chính quyền cơ sở được biết anh T và chị Y chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn kinh tế và vấn đề nuôi dạy con chung. Con chung của vợ chồng chị Y và anh T có hai con chung cháu Nguyễn Trần Phương V sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 và cháu Nguyễn Trần Trung Q, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2019. Về mức thu nhập của chị Y và anh T do cả hai anh chị làm tự do nên chính quyền cơ sở không nắm được cụ thể mức thu nhập của hai anh chị. Nay chị Y xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian

sống ly thân và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị Y và anh T có hai con chung cháu Nguyễn Trần Phương V sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 và cháu Nguyễn Trần Trung Q, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2019. Hiện các cháu đang ở cùng với chị Y. Nay ly hôn chị Y có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con. Về phía anh T không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Cháu V con chung của anh chị qua nghe nguyện vọng cháu muốn ở với mẹ, đối với cháu Q còn nhỏ và đang ở với chị Y. Nay để không làm thay đổi môi trường sống và không ảnh hưởng sự phát triển bình thường của các cháu cũng như đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi ly hôn nên giao cả hai cháu V và Q cho chị Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung mặc dù chị Y không yêu anh T cầu cấp dưỡng đối với các con chung. Nhưng xét thấy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con thì việc anh T cấp dưỡng nuôi con là cần thiết. Do vậy buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cả hai con chung là 3.000.000đ/ tháng (mỗi cháu 1.500.000đ/ tháng) là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Trọng T phải nộp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Trọng T. (Quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Phương V sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 và cháu Nguyễn Trần Trung Q, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2019 cho chị

Trần Thị Y tiếp tục chăm sóc nuôi. Anh Nguyễn Trọng T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với hai con chung cháu V và cháu Q là 3.000.000đ/ tháng/ (Cháu V là 1.500.000đ/ tháng và cháu Q là 1.500.000đ/ tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các cháu V và Q đủ 18 tuổi. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Y phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002110 ngày 23 tháng 1 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh Nguyễn Trọng T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Y, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.